

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2018/HS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Bạ;

Ông Ngũ Minh Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1992 tại tỉnh K; nơi ĐKNKTT: 124/5 đường V, phường V, thành phố R, tỉnh K; tạm trú: 40/7 tổ 14, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; có chồng Mai Tiến D, sinh năm 1982 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 tại tỉnh K; nơi ĐKNKTT: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; chỗ ở: Số 17/7 tổ 14, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2017, An có nhu cầu xin việc làm nhưng do chưa tốt nghiệp Trung học phổ thông (viết tắt là THPT), không đáp ứng đủ yêu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương nên không được tuyển dụng. A nói cho T biết và nhờ T liên hệ mua cho A bằng tốt nghiệp THPT giả. T đồng ý và yêu cầu An ghi rõ thông tin cá nhân, tên trường để T liên hệ tìm người làm bằng tốt nghiệp THPT giả. Qua tìm hiểu, T biết được đối tượng Phạm Hồng Th làm chung Công ty G tại khu công nghiệp Vsip I, thị xã Thuận An với T có thể làm được nên T trao đổi với Th, Th đồng ý làm với giá 2.300.000đồng. Hôm sau, Th hẹn T trước siêu thị A thuộc thị xã Thuận An và đưa cho T 01 bằng tốt nghiệp THPT giả kèm theo 02 bản sao bằng tốt nghiệp THPT giả do Sở Tư pháp chứng thực, T đưa cho Th số tiền 2.300.000đồng. Sau khi nhận được bằng tốt nghiệp THPT giả và 02 bản sao, T về đưa cho A, A cất giữ bằng tốt nghiệp THPT giả, riêng 02 bản sao thì A đã vứt bỏ.

Đến khoảng 09 giờ ngày 21-6-2017, A đem bằng tốt nghiệp THPT giả đến Ủy ban nhân phường T, thị xã Thuận An chứng thực, sao y bản chính để xin việc làm thì cán bộ tư pháp của phường nghi vấn, báo Công an phường Thuận Giao tiến hành làm việc, chuyển hồ sơ lên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận An thụ lý theo thẩm quyền.

Bản kết luận giám định số 303/GĐ – PC54 ngày 25-8-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “*CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * TỈNH K - SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên Bằng tốt nghiệp THPT số hiệu A3966890, mang tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1992, đề ngày 22-10-2010 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu (do Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận An thu thập) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Theo Công văn số 178/SGDDT-KT&KĐCLGD ngày 12-02-2018 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh K đã xác định kỳ thi tốt nghiệp THPT, khóa thi ngày 02-06-2010 được tổ chức thi tại tất cả các Hội đồng thi trong tỉnh K không có tên thí sinh Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1992, nơi sinh: K. Do đó, Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh K không cấp bằng tốt nghiệp THPT khóa thi ngày 02-6-2010 cho thí sinh Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1992, nơi sinh: K.

Bản Cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 22-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy A và Nguyễn Văn T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Bị cáo A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm h, p Khoản 1, Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Thị Thúy A từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng;

Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa ngày 06-02-2018 bị cáo Nguyễn Văn T có mặt, nhưng sau đó bị cáo T đã bỏ trốn, Cơ quan Điều tra ban hành Quyết định truy nã số 04 ngày 05-4-2018 nhưng đến nay vẫn chưa bắt được nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo T theo Điểm a Khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[3] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị Thúy A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, biên bản vụ việc, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, văn bản trả lời của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh K cũng như lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày 06-02-2018 đã có đủ cơ sở kết luận:

Để đáp ứng điều kiện xin việc làm tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương, A bàn bạc và nhờ T liên hệ mua dùm 01 bằng tốt nghiệp THPT giả. T đồng ý, T liên hệ đối tượng tên Th mua với giá 2.300.000đồng, sau khi nhận bằng giả, T về đưa cho A cất giữ đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 21-6-2017 A đem bằng tốt nghiệp THPT giả này đến Ủy ban nhân phường Thuận Giao, thị xã Thuận An chứng thực sao y bản chính để xin việc làm thì bị phát hiện.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện trước ngày 01-01-2018, theo Khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì quy định khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm nhưng theo Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì quy định khung hình phạt tù chỉ từ 06 tháng đến 02 năm. Do đó, căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), áp dụng theo hướng có lợi cho các bị cáo thì hành vi của các bị cáo được áp dụng Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm, nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, biết rõ bị cáo A không đủ điều kiện để cấp bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông theo quy định nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, thuê người khác làm bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả để về sử dụng vào mục đích thực hiện hành vi trái pháp luật, lừa dối cơ quan chức năng có thẩm quyền sao y, chứng thực bản chính cũng như nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức có nhu cầu tuyển dụng lao động. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường, uy tín của các Cơ quan Nhà nước. Hành vi đó còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Hiện nay, tình hình làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức tại địa phương xảy ra nhiều, ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân cũng như các cơ quan hành chính, tư pháp. Lỗi của các bị cáo trong vụ án này là cố ý trực tiếp. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Trong vụ án có vai trò đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo A là người nảy sinh ý định, bị cáo T là người giúp sức, trực tiếp đi thuê người khác làm giả nên vai trò của bị cáo A cao hơn.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ theo các Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy, bị cáo A là người nảy sinh ý định nhưng có con còn nhỏ (03 năm, 05 tháng tuổi), nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc, nuôi dạy con nhỏ, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), cho bị cáo hưởng án treo, tự cải tạo ở địa phương. Bị cáo T bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác xét

xử, thể hiện bản chất xem thường pháp luật nên cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng.

Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo A là có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

Đối với đối tượng tên Phạm Hồng Th làm giả bằng tốt nghiệp, hiện chưa điều tra, làm rõ nên tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra thu giữ:

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả mang tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1992, số hiệu: A3966890 là tài liệu, chứng cứ đã lưu hồ sơ của vụ án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 267; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 và Khoản 1 Điều 341; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo A;

- Khoản 1 Điều 267; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 và Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T;

- Các điều 106, 136, Điểm a Khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Văn T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy A 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án 12-6-2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự năm 2010.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Anh Thi